

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Kiến thức:

- HS trình bày được nội dung cơ bản từ chủ đề 3 đến chủ đề 5.
- Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết 1 số tình huống gắn liền với thực tiễn.
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

2. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

Chủ đề 3. Bảo hiểm và an sinh xã hội

Chủ đề 4. Lập kế hoạch kinh doanh

Chủ đề 5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

III. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Thời gian: 45 phút

Cấu trúc các phần	Phần 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng/sai	Phần 3: Tự luận
Số câu/lệnh hỏi	20 câu/ 20 lệnh hỏi	2 câu (8 lệnh hỏi)	2 câu(4 lệnh hỏi)

Hình thức	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 đáp án, chọn 01 đáp án đúng	Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai	Tự luận. Hs trả lời tự luận đúng mỗi ý hỏi được 0,75 điểm.
Số điểm	5,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1

TT	Nội dung	Dạng thức câu và mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
		Dạng 1			Dạng 2			Tự luận						
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 3. Bảo hiểm và an sinh xã hội	I- C 6,7,16 III- C5,8,9	III- C17	I- C19		I-1c III-1a	III- 1d,b				6	3	3	30
2	Chủ đề 4. Lập kế hoạch kinh doanh	III- C2,10,11,12 I- C4							II.1C		5	1C		27,5
3	Chủ đề 5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	I- C1,13 III- C14,15,3	III- C18	I- C20		I-2c,a	III- 2d,b			II.1C	5	3	3+1	42,5
Tổng số câu		16	2	2		4	4		1	1	16	6 + 1	6 + 1	30
Tổng số điểm		4,0	0,5	0,5		1,0	1,0		1,5	1,5	4,0	1,5+1,5	1,5+1,5	10
Tỉ lệ %		50			20			30			40	30	30	100

Ghi chú:

I – Năng lực điều chỉnh hành vi

II – Năng lực phát triển bản thân

III – Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động KT-XH

V. BẢN ĐẶC TẢ THEO NĂNG LỰC NHẬN THỨC

1	Chủ đề 3. Bảo hiểm và an sinh xã hội	Nêu được vai trò của bảo hiểm, của an sinh xã hội.	Biết	C6			NLI	Nhận thức chuẩn mực hành vi C6,7, 1b: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế
				C7				
				C16				
		Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội.	Hiểu		1c		NL III	Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH C8,9. Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 17: Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.
		Nêu được khái niệm bảo hiểm; an sinh xã hội	Biết	C8, C5				
		Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.		C9				
		Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.	Hiểu	C17	1a			
		Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm và an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	VD	C19	1b,d		NL.I	Tham gia hoạt động KT-XH 1d: Tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
2	Chủ đề 4. Lập kế hoạch kinh doanh	Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành	Biết	C4		1C		Nhận thức chuẩn mực hành vi
			Hiểu				NL II	Lập kế hoạch phát triển bản thân 1C. Thực hiện được và vận động,

							giúp đỡ người khác thực hiện các công việc của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.
		Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh	Biết	C10			NL.III Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH C10,11,12: Hiểu được một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
				C11			
				C12 C2			
3	Chủ đề 5. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.	Biết	C13 C1			NL.I Nhận thức chuẩn mực hành vi C13: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế
		Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp.	Hiểu		2c,a		
			VD	C20			Đánh giá hành vi của bản thân và người khác C20, 2a,c: Phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.
		Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	Biết	C14			
		Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.		C15 C3			NL. III Tìm hiểu các hiện tượng KT-XH C3,14,15. Hiểu được một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. C18. Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, và đạo đức đang diễn ra ở Việt
		Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của	Hiểu	C18			

		doanh nghiệp.					Nam và thể giới.
		Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.	VD		2b,d		Tham gia hoạt động KT-XH 2 b,d. có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế.
Tổng số câu				20	2	2	
Tổng số điểm				5,0	2,0	3,0	
Tỉ lệ %				50	20	30	

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ & PHÁP LUẬT 12

A. LÝ THUYẾT:

BÀI 3. LỚP 12: BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm

a) Khái niệm:

- + Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính
- + thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm
- + để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm
- + cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm
- + hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

* Sự cần thiết của bảo hiểm đối với con người:

- Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống,
- + giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,...
- Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ
- + như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,...
- + Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

b) Một số loại hình bảo hiểm:

* Bảo hiểm xã hội:

- + là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp
- + một phần thu nhập của người lao động

+ khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng quỹ bảo hiểm xã hội

+ **Bảo hiểm xã hội bắt buộc:** là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức

+ mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm:

+ Người lao động là công dân VN: làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn;

Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng,

+ Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;

+ Cán bộ, công chức, viên chức;

+ Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;

+ Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

+ Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

+ Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

+ Người tham gia BHXH bắt buộc sẽ được hưởng các chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

+ **Bảo hiểm xã hội tự nguyện:**

+ là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức

+ mà người tham gia lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình + và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất

- Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là công dân Việt nam từ đủ 15 tuổi trở lên không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

+ Người tham gia BHXH tự nguyện được hưởng các chế độ: hưu trí và tử tuất.

* **Bảo hiểm y tế:** là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng

+ do Nhà nước thực hiện,

+ theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

- **Bảo hiểm y tế bắt buộc:**

+ là hình thức bảo hiểm bắt buộc

+ được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế

+ để chăm sóc sức khỏe,

+ không vì mục đích lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện.

- Đối tượng tham gia BHYT bắt buộc gồm:

- + Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng (người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn; Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; cán bộ công chức, viên chức ; các lực lượng vũ trang quân đội nhân dân, công an nhân dân...)
- + Nhóm do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng (Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng...)
- + Nhóm do ngân sách Nhà nước đóng (Người có công với cách mạng; trẻ em dưới 6 tuổi; người thuộc gia đình hộ nghèo)
- + Nhóm được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng (Người thuộc gia đình hộ cận nghèo; học sinh, sinh viên)
- + Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình và sẽ được chi trả một phần toàn bộ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật này nếu không may xảy ra tai nạn, ốm đau, bệnh tật.

- **Bảo hiểm y tế tự nguyện:** là hình thức bảo hiểm do các công ty bảo hiểm cung cấp, áp dụng đối với những người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc.

*** Bảo hiểm thất nghiệp:**

- + là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập,
- + hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp gồm:
- + Người lao động (làm việc theo hợp đồng lao động; hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc xác định thời hạn...)
- + Người sử dụng lao động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ VN, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác
- Người tham gia bảo hiểm thất nghiệp được hưởng chế độ thất nghiệp, hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề.

*** Bảo hiểm thương mại:**

- + là hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro
- + của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm
- + để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm
- + khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên ký kết.
- Bảo hiểm thương mại gồm:
- + Bảo hiểm tài sản: là hình thức bảo hiểm mà đối tượng của nó là tài sản nhằm bồi thường thiệt hại cho người được bảo hiểm khi xảy ra rủi ro gây tổn thất cho tài sản như mất cắp, cháy nổ, đâm va, hỏng hóc do thiên tai...
- + Bảo hiểm con người (Bảo hiểm nhân thọ): là hình thức bảo hiểm mà đối tượng bảo hiểm là sức khỏe, thân thể và tính mạng của con người như ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tật, bệnh hiểm nghèo....
- + Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: là trách nhiệm hay nghĩa vụ bồi thường. Thông thường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự được thực hiện dưới hình thức bắt buộc như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm hàng hoá, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm nông nghiệp...

2. Vai trò của bảo hiểm

Bảo hiểm có vai trò to lớn cả về kinh tế và xã hội:

*** Về kinh tế:**

- Bảo hiểm góp phần chuyển giao rủi ro,
- + là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế-xã hội;
- + ổn định và tăng thu ngân sách cho nhà nước,
- + thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế,
- + Cụ thể: Bảo hiểm giúp cá nhân, tổ chức ổn định tài chính khi gặp rủi ro:
 - Trong quá trình tự do hoá dịch vụ tài chính và thương mại:
 - + bảo hiểm góp phần hỗ trợ đàm phán và thực hiện các cam kết hội nhập các tổ chức quốc tế.
 - + Ngoài ra, còn hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động kinh doanh và thương mại, xuất khẩu hàng hoá từ VN ra nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đối với các doanh nghiệp:
 - + bảo hiểm giúp khắc phục các sự cố trong quá trình hoạt động kinh doanh,
 - + góp phần bảo đảm an toàn và ổn định về mặt tài chính.
 - + Bảo hiểm có vai trò tập trung nguồn vốn nhàn rỗi của doanh nghiệp,
 - + điều tiết cung- cầu, chuyển hoá nguồn vốn và đầu tư vốn, ổn định chi phí sản xuất.
- Do đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thu phí bảo hiểm trước, trả tiền bảo hiểm và bồi thường sau nên quỹ bảo hiểm phần lớn là nhàn rỗi, các doanh nghiệp có thể sử dụng để đầu tư, đáp ứng được nguồn vốn vay xoay vòng cho nền kinh tế.
- Đối với các cá nhân và gia đình:
 - + có thể khắc phục được các khó khăn về tài chính
 - + và tránh rơi vào tình trạng kiệt quệ cả về tinh thần và vật chất khi gặp rủi ro.

*** Về xã hội:**

- Bảo hiểm giảm thiểu tổn thất,
- đảm bảo sự an toàn cho cuộc sống của con người,
- góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội,
- góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp kinh tế. Cụ thể:
 - + Thị trường bảo hiểm góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho thị trường lao động. Các công ty bảo hiểm thu hút một lượng lớn lao động cho hệ thống đại lý, chi nhánh bảo hiểm...giúp giảm thiểu tình trạng thất nghiệp trên thị trường.
 - + Bảo hiểm ra đời đã tạo ra một hình thức tiết kiệm linh hoạt, tác động đến tư duy của các cá nhân, các hộ gia đình, chủ doanh nghiệp, góp phần hình thành nên ý thức, thói quen và tiết kiệm một phần thu nhập để có tương lai an toàn hơn.
 - + Bảo hiểm cũng góp phần ổn định ngân sách nhà nước. Nhờ có các doanh nghiệp bảo hiểm mà ngân sách nhà nước chỉ cho các khoản như trợ cấp tai nạn, trợ cấp thiên tai...giảm đáng kể. Ngoài ra, ngân sách nhà nước còn tăng thêm nhờ vào những khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng.... của các doanh nghiệp bảo hiểm.

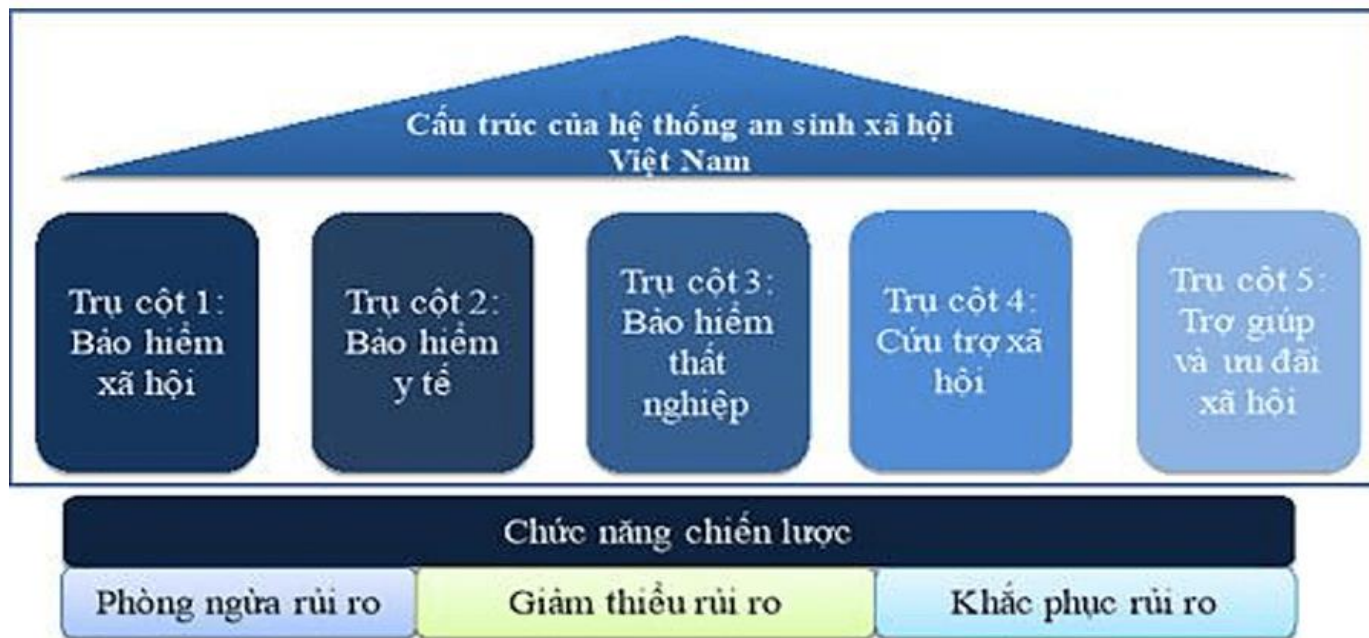
Bài 4: An sinh xã hội

1. An sinh xã hội và một số chính sách an sinh xã hội cơ bản

- **An sinh xã hội** là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

- **Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau:**

- + Chính sách hỗ trợ việc làm;
- + Chính sách về bảo hiểm;
- + Chính sách trợ giúp xã hội;
- + Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.



2. Vai trò của an sinh xã

- **Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội:**

- + Được hỗ trợ giải quyết việc làm;
- + Tăng thu nhập cho người yếu thế;
- + Được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,...

- **Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội:**

- + Giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội;
- + Góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư.

+ Góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

II. Bài 5: Lập kế hoạch kinh doanh

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh

*** Kế hoạch kinh doanh?**

Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra

*** Bản kế hoạch kinh doanh có một số nội dung cơ bản sau:**

- Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xác định chiến lược kinh doanh.
- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.
- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.
- Nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai.
- Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện.
- Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra.

Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

- Để lập được bản kế hoạch kinh doanh có chất lượng, đảm bảo cho việc kinh doanh thành công, cần thực hiện các bước cơ bản sau:
 - + Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.
 - + Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh.
 - + Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
 - + Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.
 - + Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý.

III. Bài 6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

1. Khái niệm, hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- **Khái niệm:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:

- + **Trách nhiệm kinh tế:** đảm bảo kinh doanh hiệu quả, việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động; cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng,...
- + **Trách nhiệm pháp lí:** tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên

quan.

+ **Trách nhiệm đạo đức:** thực hiện đạo đức kinh doanh, không gây hại cho xã hội và môi trường; đối xử công bằng với người lao động.

+ **Trách nhiệm nhân văn:** tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, công ích, đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

- **Khi thực hiện nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp, mỗi công dân có trách nhiệm:**

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn, quyền lợi chính đáng cho người lao động;

+ Đảm bảo chất lượng sản phẩm, quyền lợi người tiêu dùng;

+ Cùng tập thể lãnh đạo xây dựng chính sách, kế hoạch thực hiện trách nhiệm với cộng đồng phù hợp với điều kiện và khả năng của doanh nghiệp.

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Việc tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mang lại nhiều ý nghĩa đối với xã hội và doanh nghiệp.

- Đối với xã hội: thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ:

+ Góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước;

+ Hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội;

+ Góp phần bảo vệ môi trường.

- Đối với doanh nghiệp: Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, như:

+ Góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp;

+ Tạo dựng niềm tin đối với công chúng, người lao động; tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp,... nhờ đó doanh nghiệp ngày càng phát triển.

B. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

A. Phòng ngừa biến cố.

B. Ngăn ngừa rủi ro.

C. Khắc phục rủi ro.

D. Quản lý xã hội.

Câu 2: Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

A. tạo ra nhiều sản phẩm.

B. tạo ra nhiều việc làm mới.

C. bảo vệ người lao động.

D. tăng thu nhập cho người lao động.

Câu 3: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

A. việc làm tối thiểu.

B. thu nhập tối đa.

C. y tế tối thiểu.

D. bảo hiểm tối thiểu.

Câu 4: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.

B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.

C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.

D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Câu 5: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

A. phạm tội.

B. rủi ro.

C. quyền lợi.

D. lợi nhuận.

Câu 6: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều các nguồn thu nhập.
- C. Chấp hành quy tắc cộng đồng.

- B. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

Câu 7: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo.
- C. phòng ngừa rủi ro.
- B. xóa bỏ nhà tạm.
- D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 8: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Hưởng thu nhập vô điều kiện
- C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro.
- B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.
- D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 9: Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

- A. thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo.
- C. thúc đẩy tình trạng thất nghiệp.
- B. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- D. thúc đẩy tình trạng lạm phát.

Câu 10: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội.
- C. Chất lượng cuộc sống.
- B. Bảo hiểm xã hội.
- D. Thượng tầng xã hội.

Câu 11: Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

- A. ổn định cuộc sống.
- C. từ bỏ cuộc sống.
- B. mặc cảm và tự ti.
- D. gia tăng giàu nghèo.

Câu 12: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều lợi nhuận khu vực.
- C. Xóa bỏ định kiến về giới.
- B. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.
- D. Phát triển sản xuất và dịch vụ.

Câu 13: Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định mục tiêu kinh doanh.
- C. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- B. Xác định chiến lược kinh doanh.
- D. Xác định điều kiện thực hiện.

Câu 14: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

- A. Xác định ý tưởng kinh doanh.
- C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.
- B. Xác định thời gian hoàn thành.
- D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

Câu 15: Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

- A. số thuế phải đóng.
- C. số tiền sẽ thu lợi.
- B. ý tưởng kinh doanh.
- D. thời gian thành công.

Câu 16: Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định điều kiện thực hiện.
- B. Xác định ý tưởng kinh doanh.

C. Xác định chiến lược kinh doanh.

D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

Câu 17: Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được

A. ý tưởng kinh doanh.

B. chiến lược kinh doanh.

C. các rủi ro gặp phải.

D. mục tiêu kinh doanh.

Câu 18: Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

A. Hành vi tiêu dùng.

B. Nguồn gốc xuất thân.

C. Nhu cầu khách hàng.

D. Độ tuổi khách hàng.

Câu 19: Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?

A. Tính có thể đo lường.

B. Tính khả thi.

C. Tính vô thời hạn.

D. Tính cụ thể.

Câu 20: Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là

A. yếu tố hội nhập.

B. yếu tố khách hàng.

C. yếu tố xuất thân.

D. yếu tố quốc tế.

Câu 21: Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

A. tính nhân đạo.

B. tính sáng tạo.

C. tính phi lợi nhuận.

D. tính xã hội.

Câu 22: Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?

A. Phương hướng kinh doanh.

B. Cách thức thực hiện.

C. Thời điểm hoàn thành.

D. Điều kiện thực hiện.

Câu 23: Nội dung cơ bản của một bản kế hoạch kinh doanh gồm một chuỗi các biện pháp, cách thức của chủ thể kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tối ưu được gọi là

A. kế hoạch sản xuất.

B. kế hoạch tài chính.

C. chiến lược đàm phán.

D. chiến lược kinh doanh.

Câu 24: Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?

A. Số vốn mình muốn có.

B. Số vốn đã thua lỗ.

C. Số vốn đã đầu tư.

D. Số vốn cần huy động.

Câu 25: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

A. Nhân sự và đối thủ.

B. Tài chính và nhân sự.

C. Tài chính và lợi nhuận.

D. Đối thủ và lợi nhuận.

Câu 26: Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

A. lợi nhuận thực tế.

B. thời điểm thất bại.

C. thời gian thành công.

D. mục tiêu hướng tới.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh khi lập kế hoạch kinh doanh?

A. Kinh doanh mặt hàng gì.

B. Đối tượng khách hàng là ai.

C. Tỷ suất lợi nhuận thu được.

D. Kinh doanh bằng cách nào.

Câu 28: Trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh, một trong những điều kiện mà cần chủ thể cần phân tích là yếu tố

A. Nhà nước.

B. Quốc tế.

C. Thị trường.

D. Lợi nhuận.

Câu 29: Ý tưởng kinh doanh là những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong
A. nghệ thuật. B. công tác. C. học tập. D. kinh doanh.

Câu 30: Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình giúp mỗi gia đình chủ động thực hiện được kế hoạch tài chính
A. dòng họ. B. gia đình. C. cá nhân. D. nhà nước.

Câu 31: Khi xác định mục tiêu tài chính trong gia đình, cần tránh xác định những mục tiêu tài chính có tính chất nào dưới đây?
A. Trừu tượng. B. Có khả thi. C. Đo lường được. D. Cụ thể.

Câu 32: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình?
A. Tăng số tiền mặt cho hoạt động mua sắm hằng ngày.
B. Tăng chất lượng cuộc sống của gia đình.
C. Kiểm soát được nguồn thu, chi trong gia đình.
D. Dự phòng cho các trường hợp khẩn cấp và tương lai.

Câu 33: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện việc xác định mục tiêu tài chính trong gia đình?
A. Mục tiêu tài chính ngắn hạn. B. Mục tiêu tài chính dài hạn.
C. Mục tiêu tài chính trung hạn. D. Mục tiêu tài chính vô hạn.

Câu 34: Việc xác định các nguồn thu nhập trong gia đình sẽ giúp mỗi gia đình biết được nội dung nào dưới đây?
A. Mọi quan hệ giữa các thành viên. B. Tình hình việc làm và thu nhập.
C. Tình hình tài chính hiện tại. D. Tình trạng hôn nhân gia đình.

Câu 35: Nội dung nào dưới đây **không** được liệt kê vào nguồn thu nhập của gia đình khi xây dựng kế hoạch thu chi trong gia đình?
A. Chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu. B. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh.
C. Thu nhập từ lương của bố mẹ. D. Thu nhập tiền lãi gửi ngân hàng.

Câu 36: Khi xác định mục tiêu tài chính để thực hiện kế hoạch quản lý thu chi hợp lý, mỗi gia đình cần tránh xác định mục tiêu mang tính
A. ngắn hạn. B. dài hạn. C. trung hạn. D. vô hạn.

Câu 37: Mục đích của quản lý thu, chi trong gia đình biểu hiện ở nội dung nào dưới đây?
A. Chủ động kiểm soát chi tiêu của bản thân.
B. Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.
C. Đảm bảo ổn định dòng tiền cho việc mua sắm của gia đình.
D. Tối ưu hoá sử dụng khoản thu của bản thân.

Câu 38: Thực hiện việc quản lý thu chi trong gia đình không mang lại lợi ích nào dưới đây?
A. Kiểm soát thu chi hiệu quả. B. Giúp cân bằng tài chính.
C. Hạn chế quan hệ gia đình. D. Vượt qua rủi ro tài chính.

Câu 39: Nội dung nào dưới đây thể hiện việc xác định các nguồn thu nhập khi xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình?
A. Ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày. B. Thống nhất tỷ lệ phân chia các khoản.
C. Chủ động tìm kiếm nguồn thu nhập. D. Xác định khoản chi tiêu thiết yếu.

Câu 40: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm pháp lý khi chủ động
A. bài trừ quyền tự do tính ngưỡng. B. làm trái thỏa ước lao động tập thể.
C. tham gia bảo vệ an ninh quốc gia. D. tuyển dụng lao động trực tuyến

Câu 41: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp?

- A. Sản xuất hàng giả để thu lợi ích.
- B. Khuyến mại hàng kém chất lượng.
- C. Sản xuất hàng hóa giá cả hợp lý.
- D. Giới thiệu sai chất lượng sản phẩm.

Câu 42: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm pháp lý của các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh?

- A. Nâng cao đời sống vật chất nhân dân.
- B. Thực hiện chính sách, giảm nghèo.
- C. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- D. Thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Câu 43: Đối với doanh nghiệp, nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Tăng lợi thế và khả năng cạnh tranh.
- B. Góp phần bảo vệ môi trường sống.
- C. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.
- D. Hỗ trợ cộng đồng vượt qua khó khăn

Câu 44: Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành kinh doanh, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật về môi trường là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm kinh tế.
- B. Trách nhiệm pháp lý.
- C. Trách nhiệm kinh doanh.
- D. Trách nhiệm từ thiện.

Câu 45: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp?

- A. Bảo vệ môi trường sống.
- B. Tránh rủi ro và khủng hoảng.
- C. Gây thiệt hại người tiêu dùng.
- D. Tăng năng suất lao động.

Câu 46: Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có lợi nhuận, tạo ra việc làm có mức lương tương xứng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Nhân văn.
- B. Đạo đức.
- C. Pháp lý.
- D. Kinh tế.

Câu 47: Việc các chủ thể kinh tế thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình khi kinh doanh sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với sự phát triển bền vững?

- A. Bảo vệ bất bình đẳng xã hội.
- B. Bảo vệ môi trường sống.
- C. Gây rối loạn thị trường.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh.

Câu 48: Tạo việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển cho người lao động, cung ứng nhiều sản phẩm có chất lượng cho người tiêu dùng là thể hiện hình thức trách nhiệm xã hội nào của doanh nghiệp?

- A. Đạo đức.
- B. Nhân văn.
- C. Kinh tế.
- D. Pháp lý.

Câu 49: Việc doanh nghiệp thực hiện tốt những chính sách và việc làm cụ thể nhằm mang lại ảnh hưởng tích cực đến xã hội đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước là thể hiện nội dung nào dưới đây của doanh nghiệp?

- A. Trách nhiệm tiêu dùng.
- B. Trách nhiệm sản xuất.
- C. Trách nhiệm xã hội.
- D. Trách nhiệm phân phối.

Câu 50: Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội sẽ đem lại lợi ích nào dưới đây đối với doanh nghiệp?

- A. Xây dựng thương hiệu tích cực.
- B. Giảm khả năng cạnh tranh.
- C. Được nhà nước hỗ trợ thuế.
- D. Thúc đẩy nguy cơ phá sản.